

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày 15-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyến.

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án N dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02 và 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST–DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A, đường LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N tham gia tố tụng: Ông Lê Tấn N – Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện Năm Căn. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Mai Kim T1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Ông Phạm Văn H

+ Chị Phạm Huỳnh Thảo N1, sinh năm 1996 (có mặt).

+ Anh Phạm Huỳnh Nhật D, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CMB, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 12/4/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV – 201801143 với bà Huỳnh Thị H2, cụ thể: Tổng mức cấp tín dụng tối đa 210.000.000 đồng; lãi suất cho vay 9,47%/năm; mục đích vay chi phí nuôi tôm; thời gian cho vay 24 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng.

Để đảm bảo hợp đồng trên, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn và bà Huỳnh Thị H2 ký kết 01 hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HR – 1904/17/HĐTC ngày 19/4/2017. Quyền sử dụng đất số Q703655 do bà Huỳnh Thị H2 đứng tên, diện tích 39.310m², thửa 139, 142, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc ấp Chông Mỹ B, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị tài sản thế chấp 756.000.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ 382.500.000 đồng và lãi phát sinh.

Tính đến ngày 25/5/2021 tổng dư nợ của bà Huỳnh Thị H2 tạm tính là 199.928.870 đồng, trong đó nợ gốc 162.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 26.605.770 đồng và lãi quá hạn 11.323.100 đồng. Hiện bà H2 đã chết, Ngân hàng đến làm việc với các con của bà H2 thì ông Huỳnh Văn N chấp nhận đứng ra trả hết phần nợ nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 08/4/2022 ông N trả vốn 100.000.000 đồng và ngày 12/4/2022 ông N trả vốn 8.000.000 đồng và tổng tiền lãi ông N đã trả bằng 31.961.898 đồng.

Nay Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 thanh toán toàn bộ số tiền vay tạm tính đến hết ngày 14/4/2022 là 77.426.705 đồng, trong đó nợ gốc 54.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.291.889 đồng và lãi quá hạn 5.134.816 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận

tại hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến khi hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

Trường hợp những người hưởng thừa kế của bà H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu được xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ vay gốc và các khoản lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:* Ông xác định lời trình bày trên của nguyên đơn về việc bà H2 ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền vay và nợ là hoàn toàn đúng sự thật. Số tiền vay trên do bà H2 vay để cải tạo ruộng, nuôi tôm, vay thời gian đã lâu và đến năm 2018 đáo hạn lại, đến tháng 05/2018 bà H2 chết không để lại di chúc. Sau khi bà H2 chết, ông xuất trả cho Ngân hàng 48.000.000 đồng tiền vốn. Khi Ngân hàng vào làm việc, các anh em trong gia đình thống nhất chuyển tên quyền sử dụng cho ông nhưng không ai chịu ký nên chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Về nguồn gốc phần đất thế chấp cho Ngân hàng là của bà H2, nhưng trước đó bà H2 có tặng cho con tên Huỳnh Thị T 13.000m² đất, bà T đã làm ranh giới sử dụng phần đất này và đến nay chưa làm thủ tục chuyển tên. Phần đất còn lại của bà H2 hiện ông đang quản lý cùng với vợ tên Mai Kim T1, sinh năm 1975 và có 02 con còn nhỏ. Bà H2 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 gồm có 05 người con tên: Huỳnh Văn N; Huỳnh Thị H; Huỳnh Thị P; Huỳnh Văn V và Huỳnh Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã trả vốn 108.000.000 đồng và tổng tiền lãi đã trả 31.961.898 đồng. Nay số tiền còn nợ lại yêu cầu các anh chị em khác có trách nhiệm trả; riêng bà T cũng có trách nhiệm trả nợ tính trên % diện tích được tặng cho là 13.000m² so với số nợ Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P trình bày:* Bà xác định lời trình bày trên của ông Huỳnh Văn N là đúng sự thật. Trước khi chết bà H2 có tặng cho bà T 10 công đất hiện bà T đang sử dụng và có nói miệng cho bà H 03 công đất vì bà H có hoàn cảnh khó khăn. Nguyên vọng của bà mong muốn giữ lại đất cho gia đình, không yêu cầu chia thừa kế nhưng muốn anh em hài hòa nhau. Phương án của bà lấy đất cho thuê để trả nợ cho Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày:* Thống nhất lời trình bày trên của ông N và bà P là đúng sự thật. Nay không có ý kiến gì trong vụ án và thống nhất phương án cho thuê đất để trả nợ cho Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:* Thống nhất lời trình bày trên của ông N và bà P là đúng sự thật. Riêng phần đất 13.000 m² do bà nhận sang nhượng của bà H2 với giá 350.000.000 đồng vào năm 2018. Nay bà không đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng và không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V trình bày:* Thống nhất lời trình bày trên của ông N và bà P là đúng sự thật. Nay không có ý kiến gì trong vụ án và thống nhất phương án cho thuê đất để trả nợ cho Ngân hàng.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

+ Về nội dung đề xuất: Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N và những người hưởng thừa kế của bà H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng là 77.426.705 đồng, trong đó nợ gốc 54.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.291.889 đồng và lãi quá hạn 5.134.816 đồng tạm tính đến ngày 14/4/2022. Trường hợp những người hưởng thừa kế của bà H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì được xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V, bà Mai Kim T1, ông Phạm Văn H, anh Phạm Huỳnh Nhật D được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được lập giữa các bên đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 12/4/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-201801143/HĐTD với bà Huỳnh Thị H2, tổng mức cấp tín dụng tối đa 210.000.000 đồng; lãi suất cho vay 9,47%/năm; mục đích vay chi phí nuôi tôm; thời hạn cho vay 24 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Ngân hàng và bà H2 ký kết hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HR-1904/17/HĐTC ngày 19/4/2017. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 210.000.000 đồng cho bà H2 nhận ngày 12/4/2018.

Việc thỏa thuận, ký kết Hợp đồng, khế ước nhận nợ là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến khi bà H2 chết (tháng 05/2018) thì hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 nhiều lần được Ngân hàng làm việc, động viên việc trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện như đã cam kết. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng, dư nợ lãi trong hạn và quá hạn nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 08/4/2022 ông N trả vốn 100.000.000 đồng và ngày 12/4/2022 ông N trả vốn 8.000.000 đồng và tổng tiền lãi ông N đã trả bằng 31.961.898 đồng. Do đó, nay nguyên đơn xác định hiện nay bà H2 còn nợ Ngân hàng 54.000.000 tiền gốc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 gồm: Huỳnh Văn N; Huỳnh Thị H; Huỳnh Thị P; Huỳnh Văn V và Huỳnh Thị T chấp nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền nêu trên đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Từ các cơ sở đã phân tích trên, xét yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến ngày 14/4/2022 gồm lãi trong hạn 18.291.889 đồng và lãi quá hạn 5.134.816 đồng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà H2 chết năm 2018. Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự thì những người hưởng thừa kế của bà H2 gồm: Huỳnh Văn N; Huỳnh Thị H; Huỳnh Thị P; Huỳnh Văn V và Huỳnh Thị T sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho bà H2 trong phạm vi di sản do bà H2 để lại.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HR-1904/17/HĐTC ngày 19/4/2017 giữa nguyên đơn với bà Huỳnh Thị H2 được chứng thực đúng quy định về tài sản thế chấp nên được công nhận. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp những người hưởng thừa kế của bà H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan T1 hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H2 đứng tên quyền sở hữu.

[6] Đối với bà T cho rằng nhận sang nhượng của bà H2 13.000m² đất vào năm 2018, nhưng tại thời điểm nhận đất sử dụng thì trước đó bà H2 đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Hơn nữa, phân đất bà T đang quản lý sử dụng chưa tách thửa, vẫn do bà H2 đứng tên quyền sử dụng đất và bà H2 là chủ sử dụng đất hợp pháp. Nên việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H2 đứng tên quyền sở hữu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Ngoài ra, trường hợp ông N, bà H, bà P, ông V và bà T trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà H, bà P, ông V và bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị H2 là phù hợp.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N, bà H, bà P, ông V và bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật bằng 3.871.335 đồng (77.426.705 đồng x 5%) và 1.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Ông N, bà H, bà P, ông V và bà T chỉ chịu án phí và chi phí tố tụng trong phạm vi di sản do bà H2 để lại. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng nên được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều

357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470; 615 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và lãi là 77.426.705 đồng tính đến ngày 14/4/2022. Trong đó bao gồm nợ gốc 54.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.291.889 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.134.816 đồng.

Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T chỉ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị H2 để lại.

“Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Trường hợp ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan T1 hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 139, 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 39.310m² tọa lạc Ấp Chổng Mỹ B, xã Hàm Rồng, huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn), tỉnh Cà Mau do bà Huỳnh Thị H2 đứng tên giấy chứng nhận được UBND huyện Ngọc Hiển cấp ngày 09/5/2000.

Trường hợp ông N, bà H, bà P, ông V và bà T trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà H, bà P, ông V và bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Huỳnh Thị H2, đất thuộc thửa 139, 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 39.310m² tọa lạc Ấp Chổng Mỹ B, xã Hàm Rồng, huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn), tỉnh Cà Mau.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ giao trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền chi phí tố tụng, hàng tháng ông N, bà H, bà P, ông V và bà T

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí là 3.871.335 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.998.000 đồng cho Ngân hàng N theo biên lai thu tiền số 0007731 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Văn V và bà Huỳnh Thị T chỉ chịu án phí và chi phí tố tụng nêu trên trong phạm vi di sản do bà Huỳnh Thị H2 để lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên